

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3391 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Tuyến đường liên xã Văn Trường - Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 381/TTr-STC ngày 26/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên công trình: Tuyến đường liên xã Văn Trường - Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ
- Chủ đầu tư: UBND huyện Phù Mỹ
- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Mỹ
- Địa điểm xây dựng: Huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định
- Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư: UBND tỉnh Bình Định
- Thời gian khởi công - hoàn thành: từ ngày 20/3/2022 đến ngày 20/01/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
	Tổng số	69.848.554.000	62.304.460.000
I	Chi phí xây dựng	60.295.853.000	58.351.181.000

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
1	Phần việc do Liên danh Công ty TNHH XD TH Bình Dương và Công ty TNHH XD Tấn Thành thực hiện		33.689.788.000
2	Phần việc do Công ty TNHH XD TM TH Thảo Trinh thực hiện		12.570.372.000
3	Phần việc do Công ty TNHH XD Nguyễn Thắng thực hiện		12.091.021.000
II	Chi phí quản lý dự án	1.384.553.000	978.921.000
III	Tư vấn đầu tư xây dựng công trình	2.799.037.000	2.613.158.000
1	Chi phí khảo sát (bước lập BCNCKT)	177.942.000	177.942.000
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	294.348.000	294.348.000
3	Lập nhiệm vụ khảo sát (bước lập BCNCKT)	4.908.000	0
4	Giám sát công tác khảo sát (bước lập BCNCKT)	7.328.000	0
5	Chi phí khảo sát địa hình (bước TKBVTC)	180.684.000	180.684.000
6	Chi phí thiết kế BVTC, dự toán	642.131.000	642.131.000
7	Lập nhiệm vụ khảo sát (bước TKBVTC)	3.942.000	0
8	Giám sát công tác khảo sát (bước TKBVTC)	5.351.000	0
9	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn TKBVTC, dự toán	5.239.000	0
10	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn giám sát	11.173.000	0
11	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	88.196.000	0
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.377.795.000	1.318.053.000
IV	Chi phí khác	863.254.000	361.200.000
1	Chi phí đảm bảo phục vụ thi công	202.701.000	
2	Chi phí hạ tầng trạm trộn	126.585.000	

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
3	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	46.798.000	
4	Chi phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	9.779.000	0
5	Chi phí thẩm định TKBVTC	19.077.000	0
6	Chi phí thẩm định dự toán	18.260.000	18.259.000
7	Chi phí bảo hiểm công trình	173.873.000	173.873.000
8	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn TKBVTC, dự toán	2.000.000	0
9	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn giám sát	2.000.000	0
10	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu xây lắp	54.506.000	0
11	Chi phí HĐTV giải quyết kiến nghị trong đấu thầu tư vấn TKBVTC, giám sát và gói thầu xây lắp	11.991.000	0
12	Chi phí kiểm tra nghiệm thu	22.126.000	0
13	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	173.558.000	169.068.000
V	Dự phòng chi	4.505.857.000	0

2. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
Tổng số	69.848.554	62.304.460	62.092.055	295.768	83.363
Vốn đầu tư công			62.092.055		
<i>Vốn Ngân sách nhà nước</i>			62.092.055		
- Vốn ngân sách huyện			62.092.055		

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			62.304.460.000	62.304.460.000
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			62.304.460.000	62.304.460.000

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tổn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	62.304.460.000	
1. Đã bố trí	62.092.055.000	
- Vốn ngân sách huyện	62.092.055.000	
2. Vốn còn phải thu hồi	83.363.000	
3. Chưa bố trí	295.768.000	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

- Tổng nợ phải thu: 83.363.000 đồng. Trong đó:
 - + Chi phí xây dựng (*phần việc do Công ty TNHH XD TM TH Thảo Trinh thực hiện*) 66.179.000 đồng;
 - + Tư vấn đầu tư xây dựng công trình 17.057.000 đồng;
 - Chi phí giám sát thi công xây dựng* 17.057.000 đồng;
 - + Chi phí khác 127.000 đồng;
 - Chi phí bảo hiểm công trình* 127.000 đồng;
- Tổng nợ phải trả: 295.768.000 đồng. Trong đó:
 - + Chi phí quản lý dự án 63.336.000 đồng;
 - + Tư vấn đầu tư xây dựng công trình 45.105.000 đồng;
 - .Chi phí khảo sát (bước lập BCNCKT), lập báo cáo nghiên cứu khả thi* 22.290.000 đồng;
 - .Chi phí khảo sát địa hình bước TKBVTC), lập TKBVTC, dự toán* 22.815.000 đồng;
 - + Chi phí khác 187.327.000 đồng;
 - .Chi phí thẩm định dự toán* 18.259.000 đồng;
 - .Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán* 169.068.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
Hạt Quản lý giao thông công chính huyện Phù Mỹ	62.304.460.000

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ, Hạt trưởng Hạt Quản lý giao thông công chính huyện Phù Mỹ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng